

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 6 - 2021
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành – Bà Nguyễn Ngọc Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2021 TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 31/TBXX ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1994; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 21, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Vũ Hồng S, sinh năm 1994; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 8, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Vũ Hồng S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 16/5/2019 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S mãi chơi, không tu chí làm ăn nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị D và anh S có 01 con chung là cháu Vũ Nhật M, sinh ngày 13/02/2020. Ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu M 2.000.000đồng/ tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Vũ Hồng S vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83; 107, 110; 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a

khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn anh Vũ Hồng S;

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Nhật M, sinh ngày 13/02/2020. Anh Vũ Hồng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Vũ Hồng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D, anh Vũ Hồng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Vũ Hồng S có hộ khẩu thường trú tại tổ 8, phường M Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vũ Hồng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị D kết hôn với anh Vũ Hồng S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D trình bày quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S mãi chơi, không tu chí làm ăn nên vợ chồng

xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau, chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn anh S. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh S vắng mặt, không có lý do thể hiện anh S không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh S có 01 con chung là cháu Vũ Nhật M, sinh ngày 13/02/2020, khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu M 2.000.000đồng/ tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị D là chính đáng, anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị D. Hiện cháu M còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi đang được chị D trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nên giao cháu M cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc là phù hợp. Khi ly hôn cha mẹ vẫn phải có nghĩa vụ với con chung chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị D được chấp nhận cần buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản: Chị D, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh S phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D, anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83; 107, 110; 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn anh Vũ Hồng S.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Nhật M, sinh ngày 13/02/2020. Anh Vũ Hồng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Vũ Hồng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh S chậm thi hành, thì hàng tháng anh S còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0006781, ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.(Chị D đã nộp đủ tiền án phí). Anh Vũ Hồng S phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung (Anh S chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D và anh Vũ Hồng S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. M Tân, Tp. Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền